

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**
Số: 86/2019/QĐ-PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải.

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số: 238/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo như sau:

Ngày 04/12/2018 bà Võ Thị T kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 30/11/2018 của tòa án nhân dân huyện C, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà T có anh Võ Hữu M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N đồng ý việc rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và việc đại diện theo ủy quyền bị đơn, người liên quan đồng ý việc rút đơn khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Căn cứ vào Điều 299, khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 238/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 82/2019/TLPT-DS ngày 28/02/2019 về việc tranh chấp: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, đòi quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất” giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1941;

Đại diện theo ủy quyền của bà Triêm có anh Võ Hữu M, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Triêm có ông L Luật sư – Văn phòng luật sư H– Đoàn luật sư tỉnh T.

Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: tổ 11, ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956.

Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Nguyễn Thị L, sinh năm 1971;

2/Võ Thanh T, sinh năm 1994;

3/Võ Thị Yến N, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của L, T, N có ông Bùi Quang N, sinh năm 1956.

Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

4/Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1992.

5/ Phạm Văn T (N), sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

6/ Trần Thị T (C), sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh T.

7/Võ Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

8/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quốc T. Chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn C – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

2. Về án phí:

Bà Võ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà Võ Thị T 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) (Phần khởi kiện lần đầu vào năm 2015 và lần khởi kiện bổ sung vào năm 2016) theo các biên lai thu số 0027499 ngày 20/4/2015, số 05927 ngày 26/10/2016 và số 09455 ngày 04/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3. Bà Võ Thị T có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Kim Em

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 17:

(1) và (2) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao, thì cần ghi rõ Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại thành phố nào (ví dụ: Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, địa vị pháp lý trong tố tụng và họ và tên người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ và tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày.... tháng.....năm.... nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2012/UQ ngày 10 tháng 2 năm 2012); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ xét xử phúc thẩm thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 260 của BLTTDS (ví dụ: Tại phiên toà phúc thẩm, Viện kiểm sát kháng nghị và những người kháng cáo đã rút toàn bộ kháng nghị, kháng cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của BLTTDS).

(5) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2012/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2012).

(6) Ghi theo hướng dẫn việc ghi “trích yếu” vụ án tại Điều 3 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (ví dụ: “Về việc tranh chấp về thừa kế tài sản”).

(7) Khi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 của BLTTDS, thì mới ghi mục 2 này.

(8) Quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

